TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2024
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Thật**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hoa**

Ông **Trương Tha**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024, về việc *"Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Tuyết L**, sinh năm: 1974;

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, phường Ninh Hiệp, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Thôn Quang Đông, xã Ninh Đông, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, tỉnh Khánh Hòa. Chung sống đến năm 2015, cuộc sống hôn nhân của chúng tôi không còn hạnh phúc. Ông Nguyễn Văn T hay rượu chè, say xỉn rồi đánh bà L và đã sống ly thân từ 2015 đến nay. Nay bà L không còn tình cảm với ông T, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông T. Bà L và ông T có 2 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1999; Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 2004. Cả 2 con đều đã thành niên nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Tài sản chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không có nợ.

Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm:*

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bà Lê Thị Tuyết L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với bị đơn cư trú tại thôn Quang Đông, xã Ninh Đông, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Ninh Hoà.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, tỉnh Khánh Hòa. Chung sống đến năm 2015, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông Nguyễn Văn T hay rượu chè, say xỉn rồi đánh đập bà L. Hai ông bà đã sống ly thân từ 2015 đến nay. Tại phiên toà nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Văn T được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt là không thể hiện sự thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa bà L và ông T không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1999; Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 2004 đã thành niên, bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung:* Bà Lê Thị Tuyết L và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1999; Nguyễn Ngọc H, sinh năm 2004 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lê Thị Tuyết L xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Bà Lê Thị Tuyết L phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005556 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

* *Quy định chung:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hánh án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- UBND phường Ninh Hiệp, GCNKH số 74 ngày 09/9/1998;
- CCTHADS thị xã N;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Trần Minh Thật